

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/ 2022/ DS-PT
Ngày: 4-5-2022
V.v tranh chấp QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tâm
Bà Võ Thị Hồng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2022, về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST, ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXX-PT, ngày 21 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Cao Xuân A, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1973; cùng cư trú tại: Số nhà 44, đường Nguyễn Minh Ch, khu phố 2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; ông A có mặt, bà Y vắng mặt nhưng có ủy quyền cho ông A.

- **Bị đơn:** Ông Dương Minh N, sinh năm 1956 và Bà Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1962; cùng cư trú tại: khu phố 7, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bà L có mặt, ông N vắng mặt nhưng có ủy quyền cho bà L.

Người đại diện hợp pháp của Bà Hoàng Thị Bích L: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960; cư trú tại: khu phố 4, Phường 2, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/5/2020); có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1976; cùng cư trú tại: Khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Ông Cao Xuân A trình bày: Vào năm 2011, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hải H1 (hiện không rõ năm sinh, địa chỉ) 01 phần đất diện tích 629 m², thửa số 535, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại đường Nguyễn Văn L1, khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Ngày 26/5/2011 ông bà được cấp giấy CNQSDĐ. Đất có hướng Tây giáp đường Nguyễn Văn L1; hướng Nam giáp đất bà L, ông N, hướng Đông giáp đất bà L2. Đất của vợ chồng ông có mặt trước dài 8,3 m; mặt sau dài 12,5 m; do chưa sử dụng nên bị bà L lấn ở phía sau, phần tiếp giáp với đất của bà L có diện tích bà 66,5 m². Nay ông yêu cầu bà L, ông N trả lại cho vợ chồng ông trị giá đất 66,5 m² x 8.600.000 đồng/m² = 571.900.000 đồng. Ông bà đồng ý giao cho bà L, ông N được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 66,5 m² nêu trên.

Bị đơn - Bà Hoàng Thị Bích L trình bày: Vào năm 2012, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị L3, ông Lê Văn P 02 phần đất gồm: 01 phần diện tích 63 m², thửa 521, tờ bản đồ số 63 và 01 phần đất diện tích 250 m², thửa số 534, tờ bản đồ số 43. Đất tọa lạc tại đường Nguyễn Văn L1, Khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng bà làm thủ tục hợp thửa và được Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/10/2012, diện tích là 313 m², thửa số 553, tờ bản đồ số 43. Trong đó đất thổ cư là 113 m², đất trồng cây lâu năm là 200 m². Khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà được cán bộ địa chính thị trấn TB chỉ ranh giới giữa đất của vợ chồng bà và của ông T2 (nay là đất của ông A). Đến năm 2014 thì bà cắm mốc theo đúng ranh giới ông T2 đã xác định, có mặt trước dài 5m và mặt sau dài 5m (bà và ông T2 chỉ kéo thước dây đo); không ký tứ cận. Thời gian cắm mốc ranh giới đã lâu không có ai khiếu nại hoặc thắc mắc gì; gia đình bà đã sử dụng và quản lý ổn định đúng diện tích được cấp. Nay ông A kiện cho rằng bà lấn đất và sau khi đo đạc bà mới biết diện tích vợ chồng bà sử dụng đúng như giấy cấp nhưng có một phần lấn qua đất của ông A là do đất của chị D giáp ranh với đất của bà lấn sang đất của bà với diện tích tương tự. Do hiện nay bà đã xây nhà, hàng rào kiên cố ổn định, nếu trả lại đất cho vợ chồng ông A thì phải đập nhà, hàng rào gây thiệt hại nhiều nên vợ chồng bà đồng ý trả giá trị phần đất 66,5 m² theo giá đã thẩm định là 571.900.000 đồng.

Đồng thời, vợ chồng bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng Chị Nguyễn Thị D trả cho ông bà phần diện tích đất lấn chiếm 65,7 m² nằm trong thửa số 705, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB. Tuy nhiên, do vợ chồng chị D cũng đã xây dựng nhà và hàng rào kiên cố nên bà yêu cầu vợ chồng chị D trả bằng giá trị là 565.020.000 đồng.

Ông Dương Minh N là chồng bà L cũng có lời khai và yêu cầu thống nhất như bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Anh chị đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, N. Nguồn gốc phần đất anh chị đang sử dụng do chị Nguyễn Thị H3 (em ruột chị D) tặng cho vào năm 2014. Đến năm 2015 anh chị xây nhà. Trước đó, chị H3 nhận chuyển nhượng từ 03 người, 03 thửa đất, chiều ngang mỗi thửa là 3,3 m, 03 thửa là 9,9 m ngang. Khi nhận tặng cho đất, chị H3 có chỉ ranh đất, khi chuẩn bị xây tường rào thì anh chị có gọi ông T2 (địa chính) để xác định tứ cận đất nhưng không biết đã lần qua đất của bà L. Hiện nay anh chị đã xây tường rào và 01 căn nhà. Anh chị đồng ý trả cho bà L, ông N trị giá đất tranh chấp $65,7 \text{ m}^2 \times 8.600.000 \text{ đồng/m}^2 = 565.020.000 \text{ đồng}$.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST, ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Cao Xuân A, bà Nguyễn Thị Thu Y đối với Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

1.1. Buộc Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N có nghĩa vụ trả cho Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y số tiền 574.979.000 (năm trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

1.2. Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích $66,5 \text{ m}^2$, thuộc một phần thửa số 535, tờ bản đồ số 43, được Ủy ban nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00802 ngày 26/5/2011 cho Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y, có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 184, dài 2,35m (vị trí số 4-5); Hướng Tây giáp phần mũi nhọn (đất hình tam giác) (vị trí 11); Hướng Nam giáp đất Bà Hoàng Thị Bích L, Ông Dương Minh N dài 56,89m (vị trí 5-11); Hướng Bắc giáp đất Ông Cao Xuân A, bà Nguyễn Thị Thu Y dài $56,21\text{m} + 0,52\text{m}$ (vị trí 11-4). Đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N đối với Chị Nguyễn Thị D về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2.1. Buộc Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N số tiền 568.062.000 (năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

2.2. Chị Nguyễn Thị D được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất $65,7 \text{ m}^2$ ($10,1 \text{ m}^2$ thửa số 553, tờ bản đồ số 43 được Ủy ban nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01530 ngày 11/10/2012

cho Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N và 55,6 m² thửa 553-705, tờ bản đồ số 43, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05097 ngày 03/5/2018 cho Chị Nguyễn Thị D), có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 189, dài 1,95m + 0,31m + 0,05m (vị trí số 6-7); Hướng Tây giáp phần mũi nhọn (đất hình tam giác) (vị trí 10); Hướng Nam giáp đất Chị Nguyễn Thị D dài 1,23m + 55,84m (vị trí 7-10); Hướng Bắc giáp đất Bà Hoàng Thị Bích L, Ông Dương Minh N dài 1,23m + 49,59m + 6,10m (vị trí 6-10). Đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, lãi chậm thi hành án; chi phí tố tụng, án phí thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 21-12-2021, ông A kháng cáo yêu cầu vợ chồng bà L trả lại diện tích đất đã lấn, không đồng ý nhận bằng tiền.

Cùng ngày 21-12-2021, bà L, ông N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại diện tích ông bà lấn qua ông A và chị D lấn qua bà là bằng nhau; đồng thời xác định phần đất giao cho vợ chồng chị D là đất trồng cây lâu năm, không phải đất ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn (ông A), chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn (bà L) và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vắng mặt nhưng có người đại diện và chị D, anh Tiếng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thống nhất: bà L, ông N đã lấn sang thửa số 535, tờ bản đồ số 43, diện tích đất 66,5 m² đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông A, bà Y; còn chị D, anh T đã lấn sang thửa số 553, tờ bản đồ số 43, diện tích 65,7 m², đất

thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà L, ông N; đất tọa lạc tại đường Nguyễn Văn L1, khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

[2.2] Việc đất bị lấn bắt đầu từ phía đất của vợ chồng chị D sang đất của vợ chồng bà L và từ đất của vợ chồng bà L sang đất của vợ chồng ông A. Thực tế diện tích đất của vợ chồng chị D lớn hơn diện tích nhận chuyển nhượng và được cấp giấy. Còn đất của vợ chồng bà L đang sử dụng đúng như diện tích nhận chuyển nhượng và được cấp giấy. Đất của vợ chồng ông A thiếu. Việc bị lấn như trên có phần khách quan; do việc đo đạc, định vị trên thực tế đất của vợ chồng chị D không chính xác; vợ chồng chị D và vợ chồng bà L đã xây nhà, còn đất của vợ chồng ông A còn bỏ trống; bản thân các đương sự nhiều năm sử dụng cũng không biết việc lấn này.

[2.3] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, vợ chồng ông A đồng ý nhận từ vợ chồng bà L giá trị đất bị lấn theo giá định thực tế tại địa phương; còn vợ chồng bà L cũng đồng ý nhận từ vợ chồng chị D giá trị đất bị lấn theo giá định thực tế tại địa phương. Việc các bên thống nhất như trên là xuất phát từ việc vợ chồng chị D và vợ chồng bà L đã xây nhà, tường rào kiên cố; nếu giao nhận bằng đất sẽ phải tháo dỡ, phá bỏ một phần công trình gây thiệt hại cho bà L và chị D; trong khi đó diện tích mà vợ chồng bà L lấn qua đất của vợ chồng ông A là phần ở phía sau, hiện trạng phần phía sau này có chiều ngang lớn hơn mặt trước, nên diện tích đất của vợ chồng ông A bị lấn không ảnh hưởng nhiều đến việc xây dựng, sản xuất sau này, cũng như giá trị đất. Điều này cũng thể hiện tình nghĩa, tương trợ giữa những người có đất liền kề. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bên thanh toán bằng giá trị là phù hợp với quy định của pháp luật, thực trạng sử dụng và sự ổn định về ranh giới đất. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo của vợ chồng bà L cho rằng diện tích bà lấn qua phía đất của vợ chồng ông A là 66,5 m², nhưng phần vợ chồng chị D lấn qua đất của vợ chồng bà chỉ có 65,7 m² là thiệt cho bà 0,8 m². Xét thấy, số liệu đo đạc là do cơ quan chuyên môn xác định bằng máy và diện tích chênh lệch cũng không lớn nên không cần thiết đo đạc lại. Về loại đất mà các bên được giao sử dụng là đất trồng cây lâu năm (CLN), phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa ghi rõ nên cấp phúc thẩm ghi cụ thể. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, ông N.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Cao Xuân A, bà Nguyễn Thị Thu Y đối với Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

- Buộc Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N có nghĩa vụ trả cho Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y số tiền 574.979.000 (năm trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

- Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 66,5 m² (CLN), thuộc một phần thửa số 535, tờ bản đồ số 43, được Ủy ban nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00802 ngày 26/5/2011 cho Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y, có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 184, dài 2,35m (vị trí số 4-5);

Hướng Tây giáp phần mũi nhọn (đất hình tam giác) (vị trí 11);

Hướng Nam giáp đất Bà Hoàng Thị Bích L, Ông Dương Minh N dài 56,89m (vị trí 5-11);

Hướng Bắc giáp đất Ông Cao Xuân A, bà Nguyễn Thị Thu Y dài 56,21m + 0,52m (vị trí 11-4).

Đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N đối với Chị Nguyễn Thị D về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

- Buộc Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N số tiền 568.062.000 (năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

- Chị Nguyễn Thị D được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 65,7 m² (CLN) (trong đó có 10,1 m² thửa số 553, tờ bản đồ số 43 được Ủy ban nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01530 ngày 11/10/2012 cho Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N và 55,6 m² thửa 553-705, tờ bản đồ số 43, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05097 ngày 03/5/2018 cho Chị Nguyễn Thị D), có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 189, dài 1,95m + 0,31m + 0,05m (vị trí số 6-7);

Hướng Tây giáp phần mũi nhọn (đất hình tam giác) (vị trí 10);

Hướng Nam giáp đất Chị Nguyễn Thị D dài 1,23m + 55,84m (vị trí 7-10);

Hướng Bắc giáp đất Bà Hoàng Thị Bích L, Ông Dương Minh N dài 1,23m + 49,59m + 6,10m (vị trí 6-10).

Đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

(Kèm theo Bản án là Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 07/TĐMN-2021 ngày 21/01/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn trắc địa và bản đồ Miền Nam)

1.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, thẩm định giá, đo đạc:

Buộc Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N trả cho Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ghi nhận Bà Hoàng Thị Bích L và Ông Dương Minh N tự nguyện chịu số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và đã chi phí xong.

Ghi nhận Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu số tiền 28.000.000 đồng và đã chi phí xong.

1.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y không phải chịu. Hoàn trả cho Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006563, ngày 02/8/2019 và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Ông Dương Minh N được miễn nộp tiền án phí. Bà Hoàng Thị Bích L phải chịu 13.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 1.241.000 đồng theo biên lai thu số 0004672, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp 12.259.000 (mười hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 26.722.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm:

2.1. Ông Cao Xuân A và bà Nguyễn Thị Thu Y phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng từ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0003682 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Bà Hoàng Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng từ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0003679 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện TB;
- CCTHADS huyện TB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh